

BÁO CÁO

**Tình hình kinh tế - xã hội tháng 3 và quý I,
một số công tác trọng tâm quý II/2022**

Đầu năm đến nay, UBND tỉnh đã tập trung quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và phòng, chống dịch Covid-19; các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân chung sức, đồng lòng vượt qua khó khăn, thích ứng với tình hình dịch bệnh và ổn định sản xuất; tình hình kinh tế - xã hội trong tháng 3 và quý I tiếp tục phục hồi: sản xuất nông nghiệp tương đối thuận lợi, năng suất lúa cao hơn cùng kỳ, sản lượng tôm, cá, giá một số nông sản như heo hơi, dừa khô, tôm thẻ, tôm sú... tăng khá; giải ngân vốn đầu tư công gấp đôi cùng kỳ; sản xuất công nghiệp, du lịch phục hồi tốt; công tác khuyến công và xúc tiến thương mại có nhiều chuyển biến tích cực; kết hợp linh hoạt các hình thức dạy và học trực tiếp, trực tuyến và trên truyền hình; công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân được quan tâm; các chính sách hỗ trợ cho các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 tiếp tục được thực hiện kịp thời; tiến độ tiêm vắc xin phòng Covid-19 đảm bảo theo số lượng được phân bổ; các hoạt động an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa, thăm viếng người có công, người có uy tín, đồng bào dân tộc... nhân dịp lễ, tết được thực hiện chu đáo; các loại tội phạm, tệ nạn xã hội được tập trung triệt phá, ngăn chặn và đẩy lùi; tai nạn giao thông giảm cả 03 mặt. Cụ thể kết quả trên một số ngành, lĩnh vực như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CỦA UBND TỈNH, CHỦ TỊCH UBND TỈNH

1. Các cuộc họp, làm việc của UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh

Ngoài chỉ đạo điều hành xử lý các công việc thường xuyên theo kế hoạch và chương trình công tác, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh đã chủ trì và tham dự 65 cuộc họp, hội nghị; 11 cuộc tiếp và làm việc với Bộ, ngành Trung ương, doanh nghiệp; 13 cuộc kiểm tra, khảo sát thực tế địa phương. Đồng thời, Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo một số vấn đề quan trọng như:

Chỉ đạo phổ biến, triển khai thực hiện các Nghị định, Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định và Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư của các Bộ, ngành Trung ương như: Thông tư số 44/2021 ngày 31/12/2021 của Bộ Giao thông vận tải ban hành định mức quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ; Thông tư số 04/TT-BTC ngày 28/01/2022 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan tài chính địa phương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện; Thông tư số 01/TT-BTC ngày 11/01/2022 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng nguồn nước do cơ quan trung ương thực hiện; Thông tư số 02/TT-BTC ngày 11/1/2022 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép môi trường do cơ quan trung ương thực hiện; Thông tư số 02/TT-BYT ngày 18/02/2022 của Bộ Y tế quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2, Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 21/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao, điều

chính kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương (đợt 2); Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28/02/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định kỹ thuật và Định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; Thông tư số 14/TT-BTC ngày 28/02/2022 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2017/TT-BTC và Thông tư số 04/2021/TT-BTC; Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn 2050; Quyết định số 311/QĐ-TTg ngày 5/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình "Giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng giai đoạn 2022 - 2030"; Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 8/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 8/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025; Thông tư số 03/2022/TT-BNV ngày 12/3/2022 của Bộ Nội vụ quy định danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc thuộc lĩnh vực tổ chức cán bộ ở địa phương; Quyết định số 344/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển bền vững Mác ca giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 11/3/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"...

2. Ban hành các văn bản của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 18 kế hoạch; 280 Quyết định cá biệt và 1535 văn bản hành chính khác, trong đó có một số Kế hoạch quan trọng theo chỉ đạo của Chính phủ như: Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022⁽¹⁾; Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2022 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022⁽²⁾; Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội⁽³⁾ về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình...

Ngoài ra Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 19 thông báo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch tại các cuộc họp, hội nghị với các Sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

¹ Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 20/01/2022.

² Quyết định số 166/QĐ-UBND ngày 20/02/2022.

³ Quyết định số 543/QĐ-UBND ngày 16/3/2022.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Tập trung kiểm soát, đẩy lùi dịch bệnh Covid-19

- Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ tiêm vắc xin phòng Covid-19 theo phân bổ của Bộ Y tế, đến ngày 17/3/2022: tỉnh đã nhận 2.071.756 liều vắc xin, đã tiêm cho người từ 18 tuổi trở lên mũi 01 đạt 100,3%, mũi 02 đạt 98,7%, mũi 03 đạt 80,3%; tiêm cho trẻ em từ 12-17 tuổi mũi 01 đạt 102,5%, mũi 02 đạt 98%; tỷ lệ tiêm chủng toàn tỉnh đạt 99,8%.

- Tình hình dịch Covid-19 tháng 01 được kéo giảm rõ rệt, nhưng từ tháng 02 trở đi tình hình dịch bệnh phức tạp trở lại, số ca bệnh tăng nhưng chủ yếu triệu chứng nhẹ và không triệu chứng, tỷ lệ học sinh, sinh viên, giáo viên mắc khá cao, cấp độ dịch ở một số địa phương thay đổi theo chiều hướng xấu; trong tháng, ghi nhận 5.434 ca mắc, 23 ca tử vong⁽⁴⁾. Đến ngày 17/3/2022, toàn tỉnh ghi nhận 49.981 ca mắc, đã điều trị khỏi 39.739 trường hợp, có 281 trường hợp tử vong; hiện tại toàn tỉnh có 9.961 trường hợp đang điều trị⁽⁵⁾ và cách ly F1 tại nhà, nơi cư trú 2.205 trường hợp.

- Kết quả hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ và Quyết định số 23/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, đến ngày 17/3/2022 đã cấp phát cho 327.884 đối tượng với kinh phí 490,5 tỷ đồng, đạt 93% so với tổng số đối tượng được phê duyệt, trong đó⁽⁶⁾:

(1) Chính sách hỗ trợ đối với trẻ em và người đang điều trị Covid-19, cách ly y tế (F0 và F1): đã chi hỗ trợ 38.086 người (trong đó có 5.386 trẻ em dưới 16 tuổi) với tổng số tiền 43.491.588.000 đồng.

(2) Chính sách hỗ trợ viên chức hoạt động nghệ thuật; chính sách hỗ trợ hướng dẫn viên du lịch: đã chi hỗ trợ 29 người viên chức hoạt động nghệ thuật và 18 người hướng dẫn viên du lịch với tổng số tiền 174.370.000 đồng, đạt 100%.

(3) Chính sách hỗ trợ hộ kinh doanh: đã chi hỗ trợ 5.371 hộ với tổng số tiền 16.113.000.000 đồng, đạt 96,7%.

- Vận động Quỹ phòng, chống dịch Covid-19: đến 16/3/2022, đã tiếp nhận đóng góp của 996 tập thể và cá nhân, với tổng số tiền và hiện vật trên 75,7 tỷ đồng⁽⁷⁾; đã phân bổ trên 34,438 tỷ đồng (hiện vật được phân bổ ngay khi tiếp nhận) cho Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh cấp huyện, các đơn vị, khu cách ly, chốt kiểm soát và lực lượng tuyến đầu...

2. Tài chính, ngân hàng

Thu ngân sách ước đạt 1.070,199 tỷ đồng, lũy kế quý I thu 2.864,226 tỷ đồng, đạt 27,7% dự toán, tăng 3,2% so với cùng kỳ (thu nội địa 1.351 tỷ đồng, đạt 26,1% dự toán, thấp hơn cùng kỳ 5%); một số khoản thu tăng khá so với cùng kỳ như: (i) Thu từ khu vực DNNN tăng 74,1%, (ii) Các loại phí, lệ phí tăng 45%, (iii) Thuế thu nhập cá nhân tăng 22,8%, (iv) Các khoản thu về nhà, đất tăng 10,6%... Chi ngân sách

⁴ Số ca mắc tăng 55 ca, số ca tử vong giảm 42 ca so với tháng trước. Lũy kế từ đầu năm đến ngày 11/3/2022, phát hiện 22.325 ca mắc, số ca mắc tăng 22.324 ca so với cùng kỳ năm 2021; tử vong 138 ca, số ca tử vong tăng 100% so với cùng kỳ năm 2021.

⁵ Trong đó: tại cơ sở y tế 572, tại nhà 9.359, khu cách ly, điều trị ngoài cơ sở y tế 30.

⁶ Các chính sách còn lại không phát sinh hồ sơ hoặc đã kết thúc thời gian hỗ trợ (31/12/2021).

⁷ Trong đó: đóng góp bằng tiền trên 45,1 tỷ đồng, hiện vật quy thành tiền trị giá 30,6 tỷ đồng.

450,54 tỷ đồng, lũy kế quý I chỉ 1.489,94 tỷ đồng, tăng 32% so với cùng kỳ, chủ yếu do tăng giải ngân vốn đầu tư công.

Mặt bằng lãi suất được duy trì ổn định và ở mức khá thấp tạo điều kiện thuận cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận khôi phục, mở rộng sản xuất; tiếp tục thực hiện các biện pháp cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi theo Thông tư số 01/2020/TT-NHNN và các Thông tư sửa đổi, bổ sung⁽⁸⁾. Ước đến 30/3/2022, tổng vốn hoạt động của các TCTD đạt 40.500 tỷ đồng, tăng 1,20% so với cuối năm 2021, tổng dư nợ cho vay đạt 33.250 tỷ đồng, tăng 1,21% so với cuối năm 2021, trong đó nợ ngắn hạn chiếm 56%, nợ xấu chiếm 1,26% tổng dư nợ (cùng kỳ 1,14%). Các chương trình, tín dụng chính sách tín dụng tiếp tục được triển khai đến khách hàng⁽⁹⁾.

3. Tình hình phát triển các ngành, lĩnh vực

3.1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

a) Nông nghiệp:

Trong quý, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tập trung chỉ đạo các ngành, các cấp, địa phương quan tâm sâu sát đến tình hình sản xuất, nhất là chăm sóc lúa Đông Xuân, thả nuôi thủy sản, công tác phòng, chống hạn mặn mùa khô 2021 – 2022, dịch bệnh tả lợn Châu Phi, sâu đục thân hại dừa... Chuyển đổi 261,65 ha đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng màu, trồng cỏ và trồng mới vườn cây ăn trái, vườn dừa⁽¹⁰⁾; đưa vào vận hành dự án Mô hình trình diễn kho lạnh thông minh⁽¹¹⁾.

* Sản xuất lúa:

Đầu năm đến nay xuống giống 64.430ha, đạt 32% kế hoạch, tăng 5,5% so với cùng kỳ; thu hoạch 9.794 ha, năng suất bình quân 5,93 tấn/ha⁽¹²⁾, trong đó:

+ Vụ mùa: Thu hoạch 1.090 ha (đạt 100% diện tích xuống giống), năng suất 4,98 tấn/ha (cao hơn cùng kỳ 0,15 tấn/ha).

+ Vụ Đông Xuân: Xuống giống dứt điểm 63.340 ha, vượt 17,5% kế hoạch (tương đương vượt 9.410 ha), thu hoạch 8.704, năng suất bình quân 6,05 tấn/ha.

* Gieo trồng 5.640ha cây màu, công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác, lũy kế quý I đã gieo trồng 20.845ha⁽¹³⁾, đạt 38,7% kế hoạch (thấp hơn cùng kỳ 1,4%); đã thu hoạch 13.501 ha, sản lượng 298.995 tấn. Cải tạo trồng mới 105,5 ha dừa và cây ăn trái; ước tính: toàn tỉnh có 18.313 ha cây ăn trái, sản lượng thu hoạch 69.899 tấn (cao hơn cùng kỳ 2.419 tấn); 25.000 ha dừa đang cho trái, sản lượng 88.546 tấn, (cao

⁸ Đến nay, các TCTD đã thực hiện: (i) Cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ cho 1.727 khách hàng với tổng giá trị nợ được cơ cấu là 284,44 tỷ đồng (trong đó cơ cấu gốc 250,03 tỷ đồng; cơ cấu lãi 34,41 tỷ đồng); (ii) Miễn, giảm lãi và giữ nguyên nhóm nợ cho 276 khách hàng với tổng giá trị nợ được miễn, giảm lãi là 51,31 tỷ đồng; (iii) Cho vay mới lãi suất thấp hơn so với trước dịch với doanh số lũy kế từ ngày 23/01/2020 đến nay là 11.929,63 tỷ đồng với 13.771 khách hàng...

⁹ Cho vay nông nghiệp, nông thôn: 18.300 tỷ đồng (chiếm 55%/tổng dư nợ); cho vay xuất khẩu: 420 tỷ đồng; cho vay DNNVV: 3.450 tỷ đồng; cho vay chăn nuôi lợn 203,5 tỷ đồng; tín dụng chính sách 3.152 tỷ đồng...

¹⁰ Gồm: Chuyển sang trồng bắp, màu thực phẩm và trồng cỏ 153,2 ha, trồng mới 106,45 ha dừa và cây ăn trái (cây ăn trái 81,96 ha, dừa 24,49 ha); nâng cấp, cải tạo 11 ha vườn cây ăn trái tập trung ở huyện Cầu Kè; huyện Châu Thành cải tạo giống tạp 2,2 ha và 01 vườn tạp.

¹¹ Là dự án đầu tiên tại Trà Vinh và cả vùng đồng bằng sông Cửu Long, quy mô 1.000m², vốn đầu tư hơn 01 triệu USD từ nguồn tài trợ của Chính phủ Vương quốc Bỉ.

¹² Giá lúa tươi thu mua tại ruộng dao động 5.300 – 5.800d/kg, riêng lúa ST24 khoảng 7.200d/kg.

¹³ Màu lương thực 2.554ha, màu thực phẩm 12.201 ha, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 5.731 ha.

hơn cùng kỳ 6.555 tấn). Phát hiện sâu đầu đen hại dừa trên diện tích 8,3ha⁽¹⁴⁾, mức độ gây hại 20-70%, cơ quan chuyên môn đã hướng dẫn phun thuốc phòng trị toàn bộ diện tích, đồng thời tiếp tục theo dõi chặt chẽ, không để lây lan diện rộng.

* *Chăn nuôi*: thực hiện “Tháng tổng vệ sinh, khử trùng, tiêu độc môi trường đợt 2 năm 2022”; tuyên truyền, vận động người dân tiêm phòng vắc xin cho đàn vật nuôi⁽¹⁵⁾; công tác kiểm dịch động vật và sản phẩm từ động vật được tăng cường⁽¹⁶⁾. Tuy nhiên dịch tả heo Châu Phi chưa được xử lý dứt điểm, trong tháng có 1.245 con heo nghi/mắc bệnh trên địa bàn 04 xã, nâng tổng số đến ngày 16/3/2022 số heo nghi/mắc bệnh 3.781 con/trên tổng đàn 3.968 con⁽¹⁷⁾.

* *Thủy lợi nội đồng*: Chỉ đạo các địa phương khẩn trương thực hiện các công trình thủy lợi nội đồng, kiểm tra, vận hành công tích trữ nước phục vụ sản xuất lúa vụ Đông Xuân; trong tháng, nạo vét 72 công trình thủy lợi nội đồng, nâng tổng số quý I các huyện Trà Cú, Châu Thành, Cầu Kè, Càng Long, Cầu Ngang đã nạo vét 86 công trình (đạt 16,3% kế hoạch), các huyện Châu Thành, Tiểu Cần, Trà Cú tổ chức trực vớt trên 101km² lục bình, khơi thông dòng chảy.

* *Xây dựng nông thôn mới*: Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện Châu Thành đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020⁽¹⁸⁾; thẩm định, công nhận mới 03 xã đạt nông thôn mới, 07 xã nông thôn mới nâng cao; đến nay toàn tỉnh có 80 xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 18 xã đạt tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao; 92,67% hộ gia đình và 96,18% ấp đạt chuẩn văn hóa, nông thôn mới.

* *Chương trình OCOP*: tổng kết Chương trình OCOP giai đoạn 2018 – 2021; tổng hợp sản phẩm tham gia Chương trình OCOP năm 2022 và giai đoạn 2022 – 2025. Tổ chức trao quyết định công nhận kết quả đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP năm 2021 cho 24 sản phẩm đạt hạng 3 sao; hoàn thành hồ sơ đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đánh giá, phân hạng, công nhận sản phẩm OCOP cấp quốc gia 04 sản phẩm⁽¹⁹⁾; hỗ trợ các cơ sở sản xuất tham gia trưng bày, giới thiệu sản phẩm OCOP vùng Đồng bằng sông Cửu Long tại tỉnh Kiên Giang.

b) Lâm nghiệp:

Triển khai kế hoạch trồng rừng mới, chăm sóc rừng, giao khoán bảo vệ rừng, kế hoạch cho công tác tuyên truyền pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, phòng cháy rừng năm 2022; hoàn thành 100% công tác khoán bảo vệ rừng; vệ sinh phòng cháy rừng Phi lao đạt 78,68% kế hoạch; xây dựng kế hoạch trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang thi công các công trình⁽²⁰⁾ có ảnh hưởng đến rừng. Trong quý, tổ chức 184 lượt tuần tra bảo vệ rừng, phát hiện và xử lý 07 trường hợp vi phạm; cấp 15 mã số cơ sở gây nuôi động vật hoang dã.

¹⁴ Gồm 7,2 ha tại ấp Cao Mội, xã Tân Hòa, huyện Tiểu Cần; 1,1 ha tại ấp Nhị Hoà và ấp Thượng xã Đại Phước huyện Càng Long.

¹⁵ Đến nay đã tiêm phòng Cúm gia cầm 201,9 ngàn con (đạt 4,64%); LMLM 6.605 con (đạt 2,3%); Viêm da nổi cục 400 ngàn con (đạt 0,28%); các loại bệnh thông thường khác trên đàn gia súc 59,4 ngàn liều (đạt 29,4%)...

¹⁶ Đến nay đã kiểm dịch 64.033 con heo, 3.001 con bò, 382,6 ngàn con gia cầm, 110,3 tấn sản phẩm động vật và kiểm dịch 225,9 triệu con tôm giống.

¹⁷ Tại 153 hộ chăn nuôi thuộc các huyện Duyên Hải, Trà Cú, Cầu Ngang, Càng Long và Cầu Kè; đã tiêu hủy 3.854 con, trọng lượng heo tiêu hủy 234.612 tấn.

¹⁸ Tại Quyết định số 310/QĐ-TTg ngày 04/3/2022.

¹⁹ Gồm: Sản phẩm Dừa sấp sợi, Kẹo Dừa sấp Ca Cao, Kẹo Dừa sấp nguyên chất và Kẹo Dừa sấp lá dừa.

²⁰ Các dự án: Nhà máy Điện gió số 03 tại vị trí V1-3; Nhà máy Điện gió Hàn Quốc – Trà Vinh; Nhà máy Điện gió Đông Hải 1; Nhà máy Điện gió Duyên Hải; Đường hành lang ven biển phát triển du lịch biển Ba Động.

c) Thủy sản:

Diện tích thả nuôi thủy sản trong tháng đạt 9.939 ha, lũy kế quý I thả nuôi 24.438 ha (chủ yếu là nuôi tôm sú, tôm thẻ, cua biển, tôm càng xanh, cá lóc), đạt 45,5% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 1.708ha. Thời điểm đầu vụ, nhiệt độ chênh lệch giữa ngày và đêm lớn ảnh hưởng đến sức đề kháng tôm nuôi, bệnh phát sinh chủ yếu là đốm trắng, gây thiệt hại 16 triệu con tôm sú (diện tích 198 ha), tỷ lệ thiệt hại 2,54% và 73 triệu con tôm thẻ chân trắng (diện tích 132 ha), tỷ lệ thiệt hại 4,03%, tôm chết chủ yếu giai đoạn từ 15 - 30 ngày tuổi; so với cùng kỳ, số lượng con giống bị thiệt hại khá thấp⁽²¹⁾.

Tổng sản lượng thủy hải sản ước đạt 20.007 tấn, lũy kế quý I đạt 40.582 tấn (cao hơn cùng kỳ 2.030 tấn), trong đó: nuôi trồng đạt 26.777 tấn⁽²²⁾ (cao hơn cùng kỳ 6.935 tấn), khai thác 13.805 tấn⁽²³⁾ (thấp hơn cùng kỳ 4.905 tấn). Đến nay, toàn tỉnh có 1.142 tàu cá được đăng ký, tổng công suất 153.276 CV (trong đó có 263 tàu có chiều dài từ 15m trở lên, 100% tàu cá đang hoạt động đã được lắp đặt thiết bị giám sát hành trình). Các cảng cá Lăng Chim, Định An hoạt động ổn định, sẵn sàng các phương án, hậu cần hỗ trợ ngư dân neo đậu an toàn khi xảy ra mưa bão; trong quý đã tiếp nhận và cung ứng dịch vụ cho trên 1.544 lượt tàu/xe ra vào cảng, bốc dỡ 1.288 tấn hàng hóa qua cảng; cấp phát và hướng dẫn ghi nhật ký khai thác 154 tàu cá.

3.2. Sản xuất công nghiệp

Các doanh nghiệp hoạt động khá ổn định, thích nghi với tình hình dịch bệnh, 100% công nhân làm việc trong và ngoài Khu Công nghiệp, Khu Kinh tế đã trở lại làm việc sau Tết nguyên đán. Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 24,4% so với tháng trước, giá trị sản xuất công nghiệp ước đạt 2.957,12 tỷ đồng, tăng 19,4% so với tháng trước; lũy kế quý I, chỉ số sản xuất công nghiệp giảm 24,9%, giá trị sản xuất công nghiệp 7.795,37 tỷ đồng, đạt 20,9% kế hoạch, giảm 16,4% so với cùng kỳ, trong đó: (i) Công nghiệp khai khoáng giảm 28,3%; (ii) Công nghiệp sản xuất, phân phối điện, nước nóng, hơi nước giảm 23,1%; (iii) Công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 7,4%; (iv) Công nghiệp cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng nhẹ 0,8%. So với cùng kỳ quý I/2021, có 08 sản phẩm giảm sản lượng, như: thâm xơ dừa giảm 35,2%; túi xách các loại, than hoạt tính giảm 27,3%; thủy sản đông lạnh giảm 11,4%; gạo xay xát giảm 5,5%; may mặc giảm đến 59,6%... Giá trị sản xuất công nghiệp giảm do các doanh nghiệp mới bắt đầu phục hồi lại sản xuất, giá cả xăng dầu tăng cao; mặt khác, do nhu cầu phụ tải điện bị giảm, Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia (EVN/NLDC) đã cho dừng phát dự phòng từ ngày 25/12/2021 đối với Tổ máy 2 của Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 2, một số Tổ máy của các nhà máy do Công ty Nhiệt điện Duyên Hải quản lý tạm dừng hoạt động luân phiên, tổng sản lượng điện sản xuất trong quý I chỉ đạt 15% kế hoạch (tương đương 3,159 tỷ kWh)⁽²⁴⁾, thấp hơn cùng kỳ 29,3% (tương đương 1,312 tỷ kWh).

* *Phát triển điện:* Tiếp tục theo dõi, hỗ trợ các nhà đầu tư triển khai 04 dự án điện gió còn lại; các nhà máy điện gió đã đưa vào vận hành hoạt động khá thuận lợi;

²¹ Cùng kỳ tỷ lệ con giống tôm sú thiệt hại 6%, tôm thẻ thiệt hại 7%.

²² Tổng sản lượng nuôi trồng tăng gần 35% so với cùng kỳ, trong đó: tôm thẻ chân trắng tăng 48,8%, tôm càng xanh tăng 5,2%; cá tra gấp 3,3 lần, cá lóc tăng 8,2%.

²³ Giảm 26,2% (chủ yếu giảm khai thác biển).

²⁴ Kế hoạch năm 2022: sản lượng điện sản xuất 21,050 tỷ kWh, trong đó: Nhiệt điện 19,54 tỷ kWh (Nhà máy 1, 2, 3 và Nhà máy 3 mở rộng), Điện gió 1,28 tỷ kWh, Điện Mặt trời 0,22 tỷ kWh.

đầu năm đến nay phát triển mới 12,57km đường dây trung thế, 2,57km đường dây hạ thế, 93 trạm biến áp, 475 hộ sử dụng điện, tỷ lệ hộ sử dụng điện đến nay đạt 99,28%.

* *Công tác khuyến công*: Triển khai thực hiện 10 đề án hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến; theo dõi, kiểm tra tiến độ triển khai đầu tư 02 đề án⁽²⁵⁾; khảo sát, lựa chọn 05 cơ sở mới⁽²⁶⁾ để hỗ trợ đào tạo nghề, truyền nghề năm 2022.

3.3. Thương mại - dịch vụ

Thực hiện tốt công tác quản lý thị trường; hàng hóa dồi dào, đa dạng, tỷ lệ hàng Việt Nam sản xuất phục vụ tiêu dùng chiếm tỷ trọng cao, có sự phối hợp của các đơn vị kinh doanh lớn như Co.op mart, VinMart, GO, Bách Hóa Xanh... tham gia bình ổn thị trường, cung ứng hàng hóa nên không xảy ra tình trạng khan hàng. Giá cả một số loại hàng hóa thiết yếu tăng nhẹ trước, trong Tết; riêng giá xăng dầu có 03 lần điều chỉnh tăng mạnh vào các ngày 11/02/2022, ngày 21/02/2022 và ngày 11/3/2022 ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống nhân dân. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ trong tháng ước đạt 2.981,49 tỷ đồng (*tăng gần 4% so với tháng trước*), lũy kế quý I đạt 8.664,25 tỷ đồng, đạt 23,6% kế hoạch, giảm 20,8% so với cùng kỳ.

3.4. Xúc tiến đầu tư⁽²⁷⁾, xúc tiến thương mại, hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp⁽²⁸⁾, kinh tế tập thể, hợp tác xã

Tổ chức Hợp mặt doanh nghiệp đầu năm 2022⁽²⁹⁾; xây dựng brochure, tuyên truyền đối ngoại môi trường đầu tư, kinh doanh, video clip phục vụ xúc tiến đầu tư, Hội chợ nhân Kỷ niệm 30 năm tái lập tỉnh; xây dựng ấn phẩm tuyên truyền sản phẩm Công nghiệp nông thôn - OCOP của tỉnh; triển khai các hoạt động thuộc Kế hoạch hỗ trợ khởi nghiệp và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Trà Vinh năm 2022.

Các hoạt động xúc tiến thương mại, hỗ trợ, kết nối thị trường tiêu thụ được quan tâm: Tổ chức chuyến kết nối giữa các HTX sản xuất kinh doanh mặt hàng trái cây chủ lực của tỉnh và 03 Sàn thương mại điện tử tại thành phố Hồ Chí Minh⁽³⁰⁾; Hướng dẫn cho 02 đơn vị⁽³¹⁾ tham gia xây dựng gian hàng trực tuyến; hỗ trợ 21

²⁵ Gồm: “Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến trong sản xuất các dụng cụ làm vườn” tại Hộ kinh doanh Lục Thành Vũ và “Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến trong sản xuất kẹo dừa sấp” tại Công ty TNHH chế biến dừa sấp Cầu Kè.

²⁶ Gồm Công ty TNHH TCMN Mỹ Huyền, Công ty TNHH MTV TCMN Châu Hưng TV, Doanh nghiệp tư nhân Văn Chất, DNTN TCMN Thành Nhân, Công ty TNHH TCMN Thiên Phúc.

²⁷ Đến nay toàn tỉnh có 385 dự án còn hiệu lực, trong đó có 42 dự án đầu tư nước ngoài, với tổng vốn đăng ký 3,1 tỷ USD và 343 dự án đầu tư trong nước, với tổng vốn đăng ký 135.791,42 tỷ đồng. Trong 385 dự án, có: (i) 290 dự án đang hoạt động sản xuất kinh doanh và cung cấp dịch vụ; (ii) 43 dự án đang triển khai (09 dự án đầu tư nước ngoài, 35 dự án đầu tư trong nước; (iii) 46 dự án đang thực hiện thủ tục pháp lý và (iv) 06 dự án đang thực hiện thủ tục chấm dứt dự án.

²⁸ Đến nay toàn tỉnh có 3.364 doanh nghiệp, vốn 52.743 tỷ đồng, 97.636 lao động (trong đó 2.899 doanh nghiệp đang hoạt động, vốn 48.219 tỷ đồng, 90.001 lao động) trong đó có 44 doanh nghiệp FDI.

²⁹ Có sự tham dự của 48 đại biểu là lãnh đạo TU, HĐND, UBND tỉnh, UBNDTTQ tỉnh, các Sở, ngành, địa phương và 60 doanh nghiệp, nhà đầu tư.

³⁰ Kết quả, 03 sàn TMĐT Tiki.vn, Sendo.vn và Sàn Felix cơ bản thống nhất kết nối kinh doanh trên Sàn TMĐT đối với các mặt hàng trái cây như: Cam sành, Xoài cát chu, Xoài Đài Loan, Mãng cụt, Sầu riêng, Chôm chôm, Dừa sấp trái, Dừa lưới, Bưởi da xanh của các HTX Trà Vinh. Đến ngày 16/3/2022, đối với mặt hàng Xoài Đài Loan, Công ty cổ phần Công nghệ Sen Đỏ đã thực hiện thu mua 500kg Xoài Đài Loan của HTX Xoài Cát Chu An Lộc, Trà Vinh bán trên Sàn TMĐT Sendo.vn.

³¹ Doanh nghiệp tư nhân Thuận Thiên Trà Vinh (sản phẩm gạo Quê tôi), Hộ kinh doanh Dương Tiến Hải (sản phẩm Tôm Cá khô Tiến Hải).

doanh nghiệp với 54 sản phẩm có nhãn hiệu tham gia gian hàng trực tuyến⁽³²⁾; hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia xét chọn sản phẩm thương hiệu Quốc gia Việt Nam lần thứ 8 năm 2022. Triển khai cho các doanh nghiệp xuất khẩu trên địa bàn tỉnh tham gia Phiên tư vấn xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc và Phiên tư vấn xuất khẩu sang thị trường Thổ Nhĩ Kỳ.

Tiếp và làm việc với 06 lượt nhà đầu tư⁽³³⁾ đến tìm hiểu đầu tư Hạ tầng kỹ thuật Khu Đô thị - Dịch vụ - Công nghiệp Ngũ Lạc, cảng, kho xăng dầu, khu dân cư, khu nuôi trồng, chế biến thủy hải sản xuất khẩu... Cấp mới Quyết định chủ trương đầu tư 03 dự án đầu tư ngoài KCN, KKT với tổng vốn đầu tư 5.761 tỷ đồng⁽³⁴⁾, đầu năm đến nay thu hút đầu tư được 04 dự án trong nước với tổng vốn đầu tư 13.617,08 tỷ đồng⁽³⁵⁾, thấp hơn cùng kỳ 01 dự án nhưng vốn cao hơn 9.118 tỷ đồng⁽³⁶⁾; điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với 03 dự án; chấm dứt hoạt động 03 dự án⁽³⁷⁾. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra hiện trường, đôn đốc các nhà đầu tư triển khai các dự án theo tiến độ cam kết⁽³⁸⁾.

Phát triển mới 52 doanh nghiệp, tạm dừng hoạt động 04 doanh nghiệp, giải thể 05 doanh nghiệp; lũy kế quý I phát triển mới 113 doanh nghiệp⁽³⁹⁾, tạm ngừng hoạt động 61 doanh nghiệp, giải thể 30 doanh nghiệp; so với cùng kỳ: số doanh nghiệp thành lập mới tăng 17, tạm ngừng tăng 20, hoạt động trở lại tăng 04 và giải thể giảm 01 doanh nghiệp; đăng ký giao dịch qua mạng đạt 55,1% tổng số hồ sơ.

Các hoạt động tư vấn, hỗ trợ HTX được thực hiện linh hoạt bằng nhiều hình thức⁽⁴⁰⁾; ban hành kế hoạch kiểm tra tình hình hoạt động của HTX. Thành lập mới 01 HTX, lũy kế quý I thành lập mới 02 HTX⁽⁴¹⁾ với 17 thành viên, vốn điều lệ 02 tỷ đồng. Toàn tỉnh hiện có 1.849 Tổ hợp tác với 34.082 thành viên; 173 HTX và 01 Liên hiệp HTX đang hoạt động.

3.5. Đầu tư, xây dựng cơ bản, công tác quy hoạch

³² Đến nay có 126 lượt doanh nghiệp/HTX tham gia sản với trên 431 loại sản phẩm, trong đó có 98 loại sản phẩm OCOP, 87 sản phẩm CNNTTB và 246 loại sản phẩm đạt chứng nhận khác như sản phẩm an toàn, VietGab, ISO,...

³³ Cty CP Tập đoàn Trường Thành Việt Nam, quan tâm: đầu tư dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu Đô thị - Dịch vụ - Công nghiệp Ngũ Lạc; Cty Cổ phần Tập đoàn DEKKO, quan tâm: Khu nuôi trồng thủy sản; Cty CP Thủy sản Sao Biển, quan tâm: Khu nhà ở Sao Biển; Cty CP TGS Hydrogen TV, quan tâm: Nhà máy Hydro xanh; Cty CP Đầu tư xây dựng Trung Nam, quan tâm: Khu cảng, dịch vụ cảng, đô thị; Liên Danh Thiên Phú - Thái Sơn, quan tâm: Khu đô thị tại khu đô thị K4.

³⁴ Gồm: (i) Nhà máy điện gió Thăng Long của Cty CP Điện gió Thăng Long, vốn đầu tư 3.860 tỷ đồng; (ii) Nhà máy xử lý chất thải rắn Trà Vinh của Cty TNHH Quản lý CP Năng lượng Môi trường, vốn đầu tư 1.896 tỷ đồng và (iii) CHXD Bội Ngọc 8 của Cty TNHH MTV Bội Ngọc, vốn đầu tư 5 tỷ đồng.

³⁵ Trong KCN, KKT: 01 dự án với vốn đầu tư 7.856,08 tỷ đồng; ngoài KCN, KKT: 03 dự án với vốn đầu tư 5.761 tỷ đồng.

³⁶ 03 tháng đầu năm 2021: 05 dự án đầu tư trong nước với tổng số vốn 4.499,52 tỷ đồng

³⁷ Gồm: (i) Dự án nhà máy gạch đất sét nung theo công nghệ sấy nung Tuynel của Công ty CP Cosinco Cửu Long; (ii) Dự án khu nông nghiệp công nghệ cao của Công ty Cổ phần nông trường xanh và (iii) Phòng tập thể hình và thể dục thẩm mỹ Bội Ngọc của Công ty TNHH MTV Bội Ngọc.

³⁸ Kiểm tra tiến độ thực hiện Dự án Trường mầm non tư thục Minh Huyền (lần 3) của Công ty TNHH MTV Thương mại đo đạc bản đồ Đại An; Dự án Nhà xưởng chế tạo cơ khí của Công ty Cổ phần Lý Khải Minh; Dự án Nhà máy xử lý chất thải rắn thị xã Duyên Hải của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải Vân (lần 3); dự án Đầu tư xây dựng mới nhà máy đóng tàu của DNTN Vạn Phước II...

³⁹ Đạt 22,6% kế hoạch, trong đó: huyện Trà Cú đạt 53%, các huyện Cầu Kè, Châu Thành, Duyên Hải, thành phố Trà Vinh đạt 25-30%, các địa phương còn lại đạt từ 10-17% chi tiêu giao; các doanh nghiệp thành lập mới chủ yếu hoạt động trong các ngành nghề bán buôn, bán lẻ, xây dựng, công nghiệp chế biến, chế tạo.

⁴⁰ Xây dựng chương trình xúc tiến thương mại giữa Liên minh HTX Trà Vinh và Liên minh HTX Kiên Giang; rà soát, hỗ trợ công tác kế toán cho 16 HTX; Hỗ trợ các sáng lập viên xã Ngãi Xuyên hoàn chỉnh văn kiện chuẩn bị Hội nghị thành lập HTX; hỗ trợ HTX Phú Mỹ Châu xây dựng văn kiện chuẩn bị Đại hội nhiệm kỳ; giải ngân 270 triệu đồng cho 01 HTX từ nguồn Quỹ hỗ trợ phát triển HTX tỉnh để mua sắm trang thiết bị phục vụ sản xuất...

⁴¹ HTX Nông nghiệp Tân Tiến Hưng và HTX Thương mại Dịch vụ Trà Vinh Food.

Tổng kế hoạch vốn năm 2022 là 3.319,242 tỷ đồng, đến 15/3/2022 giải ngân 437,695 tỷ đồng, đạt 13,2% kế hoạch (*cùng kỳ giải ngân đạt 6,7% kế hoạch*), trong đó: (i) Ngân sách trung ương: giải ngân 205,454 tỷ đồng/1.151,201 tỷ đồng, đạt 17,8% kế hoạch; (ii) Ngân sách tỉnh: giải ngân 232,241 tỷ đồng/2.168,041 tỷ đồng, đạt 10,7% kế hoạch.

Phối hợp với đơn vị tư vấn hoàn chỉnh báo cáo cuối kỳ (*lần 1*) Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và thông qua Hội đồng lập quy hoạch tỉnh. Trình Bộ Xây dựng thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế Định An đến năm 2040. Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết KCN Long Đức; Triển khai lập Quy hoạch chung thành phố Trà Vinh (*mở rộng*) đến năm 2040⁽⁴²⁾; tiếp tục quy hoạch xây dựng vùng huyện đối với 03 địa phương còn lại (*huyện Cầu Ngang, Trà Cú, Duyên Hải*) và các quy hoạch chung đô thị Duyên Hải, Châu Thành, Càng Long, Tân An; triển khai điều chỉnh quy hoạch chi tiết Khu Công nghiệp Cổ Chiên. Ban hành Kế hoạch phân loại đô thị tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 – 2025 và định hướng đến năm 2030.

4. Giáo dục và Đào tạo; Khoa học và Công nghệ

4.1. Giáo dục và Đào tạo

Hoàn thành kiểm tra và sơ kết học kỳ I năm học 2021-2022 theo khung kế hoạch thời gian năm học; hoàn thành Kỳ thi chọn học sinh giỏi vòng quốc gia THPT năm học 2021-2022⁽⁴³⁾; biên soạn, hoàn thiện Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Trà Vinh - Lớp 3 và tổ chức triển khai giới thiệu sách giáo khoa lớp 3 theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 và Tài liệu Giáo dục địa phương lớp 7, lớp 10 theo chương trình GDPT 2018; hoàn thành công tác kiểm định giáo dục tại 05 trường⁽⁴⁴⁾. Đến nay, tỷ lệ phòng học kiên cố chiếm trên 90%, không còn phòng học tạm thời; công nhận, tái công nhận 09 trường đạt chuẩn quốc gia⁽⁴⁵⁾; 9 huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2021.

Trình HĐND tỉnh ban hành: (i) Nghị quyết không thu học phí năm học 2021-2022 đối với trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông công lập, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh⁽⁴⁶⁾; (ii) Nghị quyết quy định về khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày. Phê duyệt: (i) Đề án về sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo⁽⁴⁷⁾; (ii) Đề án về phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý

⁴² Đang lấy ý kiến cộng đồng dân cư và Sở, ngành có liên quan.

⁴³ Có 54 học sinh tham gia ở 09 môn thi : Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lí, Tin học.

⁴⁴ Gồm trường: tiểu học thị trấn Trà Cú A, THCS Đại An, THPT Hàm Giang huyện Trà Cú; Tiểu học Thông Hòa B huyện Cầu Kè; THCS Hiếu Trung, huyện Tiểu Cần.

⁴⁵ Gồm trường: tiểu học Nhị Long, THCS A An Trường, THCS Phương Thạnh (tái công nhận) huyện Càng Long; tiểu học Tân Hòa A, tiểu học Hiếu Trung A, Hiếu Trung B (tái công nhận) huyện Tiểu Cần; THCS Lương Hòa, THCS Hòa Minh B (tái công nhận) huyện Châu Thành; THCS Chu Văn An thị xã Duyên Hải. Nâng tổng số toàn tỉnh có 149/405 trường đạt chuẩn quốc gia (tỷ lệ 36,79%). Gồm: 19/111 trường mầm non (17,11%), 85/160 trường tiểu học (53,12%), 29/99 trường THCS (29,29%) và 16/35 trường THPT (45,71%).

⁴⁶ Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

⁴⁷ Quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh, gồm 13 đơn vị: trung tâm: GDTX tỉnh, GDTX- Hướng nghiệp dạy nghề thành phố Trà Vinh; trường PT DTNT: THPT tỉnh, THCS – THPT Trà Cú, THCS-

giáo dục đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

4.2. Khoa học và Công nghệ

Hoạt động nghiên cứu khoa học – công nghệ được đẩy mạnh, trong tháng tuyển chọn 01 đề tài⁽⁴⁸⁾, nghiệm thu 01 đề tài⁽⁴⁹⁾, lũy kế quý I tuyển chọn được 03⁽⁵⁰⁾ đề tài thực hiện nhiệm vụ khoa học - công nghệ cấp tỉnh, nghiệm thu 02 đề tài⁽⁵¹⁾; phê duyệt 05 đề tài⁽⁵²⁾, công nhận kết quả 01 đề tài cấp tỉnh⁽⁵³⁾. Thực hiện đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh năm 2023; khảo sát chất lượng sản phẩm hàng hóa năm 2022 trên địa bàn tỉnh (đợt 1)⁽⁵⁴⁾. Ban hành Kế hoạch áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tỉnh Trà Vinh năm 2022; công nhận 66 sáng kiến năm 2022 (đợt 1 lần 1); xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành quy định mức chi từ NSNN để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh.

5. Bảo trợ xã hội, phúc lợi xã hội và các lĩnh vực xã hội khác

5.1. Đào tạo nghề và giải quyết việc làm

Trong quý, tổ chức 05 cuộc hội thảo, 02 phiên giao dịch việc làm, tư vấn cho 13.647 lượt người, tạo việc làm mới cho 4.418 lao động, đạt 19,2% kế hoạch, đưa 07 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng⁽⁵⁵⁾, đạt 0,7% kế hoạch; trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp cho 3.004 trường hợp với số tiền chi trả 49,9 tỷ đồng. Cấp mới 02 giấy phép lao động và gia hạn 08 giấy phép lao động cho lao động là người nước ngoài.

THPT Tiểu Cần; trường THPT: Trà Cú, Cầu Kè, Phong Phú, Dương Hào Học, Duyên Hải, Hàm Giang, Hiếu Từ, Dương Quang Đông

⁴⁸ Đề tài “Thực trạng mắc một số bệnh mãn tính không lây của người dân tộc Khmer từ 60 tuổi trở lên tại tỉnh Trà Vinh và biện pháp can thiệp”, kết quả hồ sơ của Trường Đại học Trà Vinh được Hội đồng đánh giá đạt yêu.

⁴⁹ Đề tài “Nghiên cứu xây dựng quy trình nuôi vỗ thành thục và hoàn thiện kỹ thuật sản xuất giống tôm đất (*Metapenaeus ensis* De Haan 1844) từ nguồn bố mẹ tự nhiên trong các ao/đầm/ruộng tại tỉnh Trà Vinh” do Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản III chủ trì thực hiện.

⁵⁰ Gồm: Đề tài “Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng lên năng suất, chất lượng, điều kiện bảo quản và phát triển sản phẩm hòa tan mật hoa dừa tại tỉnh Trà Vinh” do Trường Đại học Tiền Giang thực hiện; Đề tài “Lịch sử Báo Trà Vinh giai đoạn 1960 - 2020” do Báo Trà Vinh thực hiện và Đề tài: “Thực trạng mắc một số bệnh mãn tính không lây của người dân tộc Khmer từ 60 tuổi trở lên tại tỉnh Trà Vinh và biện pháp can thiệp” của Trường DHTV được Hội đồng đánh giá đạt yêu cầu.

⁵¹ Gồm: Đề tài “Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và xây dựng mô hình nhân giống và trồng cam Sành không hạt chất lượng cao tại Trà Vinh” thuộc Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2025 do Trung tâm Khuyến nông tỉnh Trà Vinh chủ trì thực hiện và Đề tài “Nghiên cứu xây dựng quy trình nuôi vỗ thành thục và hoàn thiện kỹ thuật sản xuất giống tôm đất (*Metapenaeus ensis* De Haan 1844) từ nguồn bố mẹ tự nhiên trong các ao/đầm/ruộng tại tỉnh Trà Vinh” do Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản III chủ trì thực hiện.

⁵² Gồm: (i) Đề tài Ứng dụng công nghệ BIM lập mô hình thông tin cho công trình giao thông tại tỉnh Trà Vinh - Triển khai cho dự án cụ thể (có nhiều loại công trình giao thông)” do Phó hiệu Trường Đại học Giao thông Vận tải tại thành phố Hồ Chí Minh chủ trì thực hiện; (ii) Đề tài Rà soát, đánh giá hiện trạng, xác định nguyên nhân và đề xuất giải pháp phòng chống sạt lở bờ sông (nội vùng), bờ biển tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050” do Viện Kỹ thuật Biển chủ trì thực hiện; (iii) Đề tài Nghiên cứu chế biến, bảo quản một số sản phẩm đóng hộp và sữa từ hạt đậu phộng tỉnh Trà Vinh” do Trường Đại học Cần Thơ chủ trì thực hiện; (iv) Đề tài Đánh giá khả năng thích nghi và hoàn thiện quy trình canh tác giống đậu phộng mới triển vọng tại tỉnh Trà Vinh” do Viện Nghiên cứu Nông Nghiệp Công Nghệ Cao Đồng Bằng Sông Cửu Long chủ trì thực hiện; (v) Đề tài Nghiên cứu quy trình quản lý bệnh hiệu quả trên mô hình canh tác thanh long kiêu giàn chữ T (T-bar) tại tỉnh Trà Vinh” do Viện Cây ăn quả miền Nam chủ trì thực hiện.

⁵³ Đề tài “Lịch sử Trường Quân sự tỉnh Trà Vinh giai đoạn (1945 - 2020)” do Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Trà Vinh chủ trì thực hiện.

⁵⁴ Thực hiện lấy 06 mẫu bảo hiểm thử nghiệm chất lượng, đang chờ kết quả.

⁵⁵ Thị trường Nhật Bản: 06 người, Hungary: 01 người.

Triển khai Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2022. Hoàn chỉnh Đề án nâng cấp Trường Cao đẳng nghề thành Trường cao đẳng nghề đạt chuẩn quốc gia. Thẩm định, cấp phép bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ sơ cấp đối với nghề Hàn tại Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Phát triển nguồn nhân lực Miền Nam.

5.2. Thực hiện chính sách ưu đãi người có công

Giải quyết chế độ chính sách cho 37 trường hợp người có công với cách mạng; lũy kế quý I giải quyết chế độ chính sách cho 362 trường hợp⁽⁵⁶⁾. Thăm và tặng quà cho 46.988 lượt đối tượng chính sách với kinh phí 12,926 tỷ đồng; ngoài ra, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp vận động tặng 2.281 phần quà cho gia đình chính sách, trị giá 1,367 tỷ đồng; đồng thời chi trả trợ cấp 02 tháng cho 11.311 đối tượng đang hưởng chính sách. Thực hiện Đề án hỗ trợ gia đình người có công với cách mạng khó khăn về nhà ở (theo Quyết định số 2100/QĐ-UBND ngày 29/9/2021), đến nay đã triển khai thực hiện 1.735/1.943 căn, đạt 89,2%⁽⁵⁷⁾, giải ngân được 59,57 tỷ đồng (đạt 85,5%).

5.3. Bảo trợ xã hội và giảm nghèo

Các chính sách bảo trợ xã hội và giảm nghèo được quan tâm, trong quý đã giải quyết trợ giúp xã hội tại cộng đồng cho 38.037 đối tượng bảo trợ xã hội, hỗ trợ mai táng phí cho 284 đối tượng, cấp thẻ BHYT cho 27.256 đối tượng. Tổ chức các đoàn đi thăm, tặng quà chúc thọ, mừng thọ của Chủ tịch nước và Chủ tịch UBND tỉnh cho 54 cụ tròn 100 tuổi, 786 cụ tròn 90 tuổi, tổng kinh phí gần 1,2 tỷ đồng. Xuất nguồn Quỹ "Vì người nghèo"⁽⁵⁸⁾ và vận động để chăm lo cho các hộ nghèo, cận nghèo, hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, hộ bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh, xã đảo, vùng dân tộc thiểu số... vui xuân đón tết, tổng trị giá 4,9 tỷ đồng⁽⁵⁹⁾ (riêng huyện Cầu Kè, Cầu Ngang và Châu Thành đã xuất ngân sách hỗ trợ cho 173 đối tượng bảo trợ xã hội và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn với số tiền 62,7 triệu đồng).

Phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021⁽⁶⁰⁾; xác định hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu năm 2021⁽⁶¹⁾. Giải quyết cho 34 hộ nghèo, cận nghèo vay vốn cải thiện nhà ở theo Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của HĐND tỉnh với số tiền 1,7 tỷ đồng. Rà soát nhu cầu hỗ trợ về đất ở, hiện có 503 hộ có nhu cầu (trong đó có 287 hộ nghèo và 216 hộ cận nghèo).

⁵⁶ Cụ thể: Giải quyết chế độ thờ cúng liệt sĩ 52 trường hợp; chế độ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học 07 trường hợp; chế độ tuất tử trần 23 trường hợp; chế độ BHYT theo Quyết định 290, 62 và 49 của Thủ tướng Chính phủ 188 trường hợp; chế độ mai táng phí 92 trường hợp là người có công với cách mạng, hội viên Hội Cựu chiến binh từ trần.

⁵⁷ Trong đó: (i) xây dựng hoàn thành 1.708 căn; (ii) đang triển khai xây dựng 27 căn; (iii) chưa triển khai xây dựng là 208 căn.

⁵⁸ Nguồn Quỹ "Vì người nghèo" 1,23 tỷ đồng.

⁵⁹ Nhìn chung, các đối tượng đều nhận được quà, một số địa phương có hộ được nhận từ 02 đến 06 phần quà, mỗi phần quà cho hộ cận nghèo trị giá từ 300.000 đồng, hộ nghèo từ 400.000 đồng trở lên; vận động hỗ trợ cho 13.905 đối tượng bảo trợ xã hội và hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn, 413 người cao tuổi, 569 trẻ em có hoàn cảnh khó khăn...

⁶⁰ Toàn tỉnh có 10.207 hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025, chiếm tỷ lệ 3,56% so với tổng số hộ dân cư; trong đó, hộ nghèo dân tộc Khmer có 6.483 hộ, chiếm tỷ lệ 7,19% so với số hộ dân tộc Khmer; Hộ cận nghèo 17.215 hộ, chiếm tỷ lệ 6,00% so với tổng số hộ dân cư.

⁶¹ Hộ có mức sống trung bình có 116.451 hộ chiếm tỷ lệ 40,60% so với tổng số hộ dân cư toàn tỉnh, 126.084 hộ có thu nhập khá, chiếm tỷ lệ 43,96% so với tổng số hộ dân cư toàn tỉnh và 11.100 hộ có thu nhập giàu, chiếm tỷ lệ 3,87% so với tổng số hộ dân cư toàn tỉnh.

5.4. Công tác dân tộc, tôn giáo, thực hiện bình đẳng giới và bảo vệ, chăm sóc trẻ em

Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh. Kiểm tra tiến độ và công tác bảo vệ môi trường công trình xây dựng cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer tại huyện Tiểu Cần. Tổ chức thi tốt nghiệp Sơ - Trung cấp Phật học tại 21 điểm chùa với 519 thí sinh tham dự. Thực hiện kịp thời chính sách đối với người có uy tín⁽⁶²⁾. Thăm hỏi, chúc mừng các tổ chức tôn giáo, chức sắc tiêu biểu nhân dịp Tết. Hỗ trợ hoạt động đạo sự năm 2022 cho các tổ chức tôn giáo⁽⁶³⁾ với số tiền 220 triệu đồng. Hướng dẫn tổ chức Đại hội Đại biểu Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh nhiệm kỳ 2022-2027.

Triển khai thực hiện công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ phụ nữ năm 2022. Quan tâm chăm sóc, bảo vệ trẻ em: triển khai thực hiện Chương trình phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh; trao tặng 174 phần quà cho trẻ em nghèo, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, với tổng kinh phí 174 triệu đồng; hỗ trợ cho 43 trẻ em mồ côi và 16 em là con của sản phụ nhiễm covid-19 với tổng kinh phí 398 triệu đồng⁽⁶⁴⁾.

5.5. Chăm sóc sức khỏe Nhân dân

Tổng lượt khám bệnh, chữa bệnh trong tháng 71.012 lượt⁽⁶⁵⁾; phát hiện 12 ca sốt xuất huyết⁽⁶⁶⁾; 03 ca tay chân miệng⁽⁶⁷⁾; 09 người nhiễm HIV⁽⁶⁸⁾. Tiếp nhận và thẩm định cấp giấy chứng nhận 08 hồ sơ đủ điều kiện ATTP⁽⁶⁹⁾; thực hiện kiểm tra liên ngành về ATTP trong dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022⁽⁷⁰⁾; thực hiện kiểm tra 96 lượt, lấy 110 mẫu tại các nhà thuốc, quầy thuốc tại các huyện và thành phố trong tỉnh⁽⁷¹⁾. Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình sức khỏe Việt Nam năm 2022 - 2025; triển khai uống Vitamin A liều cao đợt II năm 2021 cho trẻ từ 06 - 36 tháng tuổi và bà mẹ sau sinh trên địa bàn tỉnh Trà Vinh⁽⁷²⁾; Xây dựng Kế hoạch hành động thực hiện chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045, Kế hoạch hoạt động phòng, chống bệnh không lây nhiễm và rối loạn sức khỏe tâm thần giai đoạn 2022-2025.

5.6. Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Tổ chức Đêm Lễ hội đón Giao thừa; trưng bày, triển lãm mừng Đảng, mừng xuân năm 2022, kỷ niệm 92 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam gắn với

⁶² Trong tháng, thăm, viếng 05 người có uy tín và người thân; lữ kế quý I thăm, viếng 09 người; thăm, tặng quà 18 người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh nhân dịp Tết.

⁶³ Ban Đại diện Hội thánh Cao Đài Tây Ninh tỉnh, Ban Đại diện Hội thánh Cao Đài Ban Chính đạo tỉnh, Đại diện Hội thánh Cao Đài Tiên Thiên tỉnh và Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh.

⁶⁴ Trong đó nguồn từ MTTQ tỉnh hỗ trợ là 167 triệu đồng.

⁶⁵ Lũy kế 202.787 lượt, đạt 14,4% so với kế hoạch.

⁶⁶ Lũy kế đến ngày 28/02/2022: phát hiện 18 ca mắc, giảm 87,8% so với cùng kỳ năm 2021 (148 ca), không có tử vong; phát hiện 04 ổ dịch.

⁶⁷ Lũy kế đến ngày 28/02/2022: phát hiện 04 ca mắc, giảm 96,1% so với cùng kỳ năm 2021, không tử vong.

⁶⁸ Lũy kế đến ngày 28/02/2022, số người nhiễm HIV được phát hiện là 2.599 (trong tỉnh là: 2.576 người). Số người chuyển sang bệnh AIDS là 1.676 người. Số người tử vong vì HIV/AIDS là 1.057 người.

⁶⁹ Lũy kế thẩm định và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP 13 hồ sơ.

⁷⁰ Trên địa bàn các huyện: Tiểu Cần, Cầu Kè, Càng Long, Châu Thành và thành phố Trà Vinh.

⁷¹ Trong quý I đã thực hiện 174 lượt kiểm tra, lấy 198 mẫu.

⁷² Kết quả có 14.613 trẻ từ 6 - 36 tháng tuổi và 4.882 bà mẹ sau sinh trong vòng 6 tháng được uống Vitamin A.

Kỷ niệm 30 năm tái lập tỉnh Trà Vinh. Tổ chức 05 giải thể thao mừng Đảng, mừng Xuân⁽⁷³⁾; 02 giải chào mừng Ngày thể thao Việt Nam (27/3)⁽⁷⁴⁾.

Quản lý chặt chẽ các cơ sở lưu trú; du lịch phát triển khá, nhất là thời điểm Tết nguyên đán tại Khu di tích lịch sử Đền thờ Bác Hồ và Khu Du lịch biển Ba Động, Thiên Viện Trúc Lâm và các công trình điện gió... Tuy nhiên, do tình hình dịch Covid-19 phức tạp trở lại nên hoạt động du lịch trong tháng 3 bị ảnh hưởng khá lớn, tính chung quý I, tổng doanh thu du lịch 48,561 tỷ đồng (giảm 25,6% so với cùng kỳ), lượt khách tham quan 120.150 lượt người (giảm 41,9%), lượt khách lưu trú 28.760 lượt người (giảm 57,6%), công suất phòng bình quân đạt 24,5% (giảm 17,7%). Hỗ trợ phát triển trong lĩnh vực du lịch theo Nghị quyết số 70/2018/NQ-HĐND cho 03 nhà hàng với số tiền 579,5 triệu đồng.

6. Tài nguyên và Môi trường

Rà soát, điều chỉnh phân bổ lại chỉ tiêu sử dụng đất theo Quyết định số 362/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ đối với Kế hoạch sử dụng đất 05 năm 2021-2025 của tỉnh. Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của 8/9 huyện. Trong quý, cấp mới 21 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nâng tổng số đến nay đã cấp 626.907 giấy, đạt 99,3% diện tích cần cấp giấy; định giá đất cụ thể và giá khởi điểm của 02 công trình, dự án; thực hiện chi trả bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư 64 công trình⁽⁷⁵⁾. Các lĩnh vực tài nguyên nước, địa chất, khoáng sản được quản lý chặt chẽ⁽⁷⁶⁾. Thâm định, phê duyệt các thủ tục liên quan đến hoạt động bảo vệ môi trường đúng trình tự, thủ tục⁽⁷⁷⁾. Xử lý 100% chất thải rắn sinh hoạt tại các bệnh viện dã chiến, khu cách ly tập trung; tiêu hủy (chôn lấp) xác động vật do dịch tả heo Châu Phi đảm bảo đúng quy định.

7. Thông tin và Truyền thông

Công tác tuyên truyền các đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước được thực hiện tốt, đảm bảo phục vụ tốt cho việc lãnh, chỉ đạo và nhu cầu thông tin của nhân dân trên địa bàn⁽⁷⁸⁾. Mạng lưới bưu chính, viễn thông hoạt động ổn định, đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và sản xuất kinh doanh của người dân, doanh nghiệp. Kiểm tra, khắc phục các lỗ hổng bảo mật⁽⁷⁹⁾; thực hiện đảm bảo an toàn thông tin trong công tác dạy học trực tuyến. Cấp 44 giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh.

⁷³ Gồm: Quần vợt, Bóng chuyền hơi nữ, Billiards, Cầu lông, Cờ tướng.

⁷⁴ Gồm: Bóng đá và Billiards.

⁷⁵ Trong đó: 8 công trình đã chi trả hoàn thành, đang chi trả 36 công trình, 20 công trình đang triển khai thực hiện kế biên kiểm đếm và lập thủ tục để đủ cơ sở phê duyệt phương án.

⁷⁶ Cấp phép tài nguyên nước 23 hồ sơ; kiểm tra, hướng dẫn các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực tài nguyên nước lập Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (hoàn thành 15 hồ sơ); xây dựng kế hoạch kiểm tra lĩnh vực hoạt động tài nguyên nước và hành nghề khoan nước dưới đất năm 2022,...

⁷⁷ Tiếp nhận và giải quyết 08 hồ sơ lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, đã phê duyệt 03 hồ sơ.

⁷⁸ Tập trung tuyên truyền thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022; công tác phòng, chống dịch bệnh Covid - 19; kỷ niệm 30 năm tái lập tỉnh Trà Vinh (5/1992-5/2022); việc Trung Quốc tạm dừng nhập khẩu thanh long Việt Nam; Thông báo tạm thời dừng tiếp nhận phương tiện chở trái cây tươi đến Cửa khẩu quốc tế đường bộ số II Kim Thành (Lào Cai) - Bắc Sơn (Trung Quốc); các chính sách hỗ trợ, thúc đẩy tiêu thụ nông sản tại thị trường trong nước và các nhiệm vụ chính trị khác.

⁷⁹ Thực hiện rà soát lỗ hổng bảo mật theo Công văn số 1749/CATTT-NCSC ngày 15/12/2021 của Cục An toàn thông tin về việc lỗ hổng bảo mật ảnh hưởng cao và nghiêm trọng trong các sản phẩm Microsoft công bố tháng 12/2021; rà soát hệ thống bảo mật theo Công văn số 1730/CATTT-NCSC ngày 09/12/2021 về việc lỗ hổng bảo mật CVE-2021-

8. Cải cách hành chính, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng

Triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch thực hiện Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính năm 2022 trên địa bàn tỉnh. Tổ chức điều tra xã hội học đánh giá Chỉ số cải cách hành chính năm 2021. Các văn bản quy phạm pháp luật được kiểm tra, rà soát theo đúng quy định⁽⁸⁰⁾; các thủ tục hành chính thường xuyên được rà soát, cắt giảm thời gian giải quyết⁽⁸¹⁾. Tiếp tục sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ⁽⁸²⁾; kiện toàn tổ chức bộ máy theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ⁽⁸³⁾.

Công tác thanh tra được thực hiện theo đúng tiến độ; trong quý I, thanh tra hành chính 11 cuộc tại 24 đơn vị, phát hiện 01 đơn vị vi phạm. Thanh tra, kiểm tra chuyên ngành 63 cuộc với 86 tổ chức và 572 cá nhân, phát hiện và xử lý 31 trường hợp vi phạm. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo: tiếp 441 lượt người đến khiếu nại, tố cáo; nhận 412 đơn, giải quyết 107/231 đơn thuộc thẩm quyền, đạt 46,3%⁽⁸⁴⁾.

9. Về quốc phòng, an ninh

Duy trì tốt công tác sẵn sàng chiến đấu, chủ động nắm tình hình, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn; triển khai kế hoạch xây dựng xã, phường, thị trấn vững mạnh về quốc phòng, an ninh năm 2022; xây dựng và triển khai các kế hoạch huấn luyện; hoàn chỉnh quy hoạch trường bắn, thao trường huấn luyện thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tổ chức giao, nhận 1.136 quân⁽⁸⁵⁾ (đạt 100% chỉ tiêu) lên đường nhập ngũ bảo vệ Tổ quốc năm 2022 đảm bảo an toàn, trang trọng. Tổng kết Đợt ra quân thực hiện cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, bảo đảm an ninh trật tự Tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022⁽⁸⁶⁾.

Về quản lý kinh tế: Chưa phát hiện tội phạm về kinh tế, giảm 05 vụ so với cùng kỳ, chưa phát hiện tội phạm về môi trường, so với cùng kỳ không tăng/giảm. *Trật tự xã hội:* xảy ra 10 vụ, lũy kế quý I xảy ra 34 vụ, (giảm 13 vụ so với cùng kỳ). *Tội phạm về ma túy:* phát hiện 08 vụ, lũy kế quý I phát hiện 25 vụ (giảm 08 vụ so với cùng kỳ). *Tai nạn giao thông:* xảy ra 02 vụ, làm chết 02 người, lũy kế quý I xảy ra 06 vụ, làm chết 06 người (giảm 05 vụ, giảm 06 người chết, giảm 02 người bị thương so

41024 trong FortiOS và FortiProxy; rà soát lỗ hổng bảo mật theo Công văn số 1734/CATTT-NCSC ngày 10/12/2021 của Cục ATTT về việc lỗ hổng bảo mật ảnh hưởng nghiêm trọng trong Apache Log4j.

⁸⁰ Rà soát 442 văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành; xử lý 53 văn bản không còn phù hợp. Ban hành Quyết định công bố Danh mục VBQPPL hết hiệu lực trong năm 2021.

⁸¹ Trong quý công bố mới 28 thủ tục, bãi bỏ 16 thủ tục hành chính. Thực hiện cắt giảm ½ thời gian giải quyết đối với 1.544 TTHC, 1/3 thời gian giải quyết đối với 40 TTHC.

⁸² Đã tổ chức lại 01 đơn vị (Thành lập Trung tâm Quy hoạch và Giám định xây dựng trực thuộc Sở Xây dựng trên cơ sở tổ chức lại Trung tâm Quy hoạch xây dựng trực thuộc Sở Xây dựng và Trung tâm giám định xây dựng trực thuộc Chi cục Giám định xây dựng thuộc Sở Xây dựng) và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức 03 đơn vị (Trung tâm Phát triển quỹ đất, Trung tâm Công nghệ thông tin và Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường).

⁸³ Kết quả giảm được 42 phòng chuyên môn và 07 chi cục, đạt tỷ lệ 32,67% (49/150).

⁸⁴ Trong đó: Giải quyết đơn khiếu nại đạt 10,9%, đơn tố cáo đạt 25%, đơn yêu cầu đạt 60%, đơn phản ánh, kiến nghị đạt 77,7%, đơn tranh chấp đạt 53%.

⁸⁵ Trong đó, có 900 thanh niên nhập ngũ nghĩa vụ quân sự, 236 thanh niên thực hiện nghĩa vụ Công an nhân dân.

⁸⁶ Diễn ra từ 15/12/2021 đến 14/02/2022, thống kê qua thực hiện đợt cao điểm: đã kéo giảm 33 vụ phạm tội về trật tự xã hội, giảm 05 vụ tai nạn giao thông so với liên kế cao điểm; phát hiện 39 vụ vi phạm trên lĩnh quản lý kinh tế; bắt giữ 17 vụ, 18 đối tượng phạm tội về ma túy; phát hiện 53 vụ vi phạm trên lĩnh vực môi trường; bắt, xử lý 211 vụ, 423 đối tượng tệ nạn xã hội...

với cùng kỳ). Xảy ra 01 vụ cháy, không tăng/giảm so với cùng kỳ.

III. HẠN CHẾ

Giá cả nguồn nguyên liệu, vật tư đầu vào phục vụ sản xuất tăng cao, trong khi đầu ra nông sản gặp nhiều khó khăn, giảm giá, nông dân thua lỗ (thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, xăng dầu...); công tác thủy lợi nội đồng còn chậm, dịch tả heo Châu Phi chưa được xử lý dứt điểm, sâu đầu đen hại dừa tiếp tục xuất hiện với mức độ gây hại khá cao; một số địa phương chưa thực hiện tốt công tác phòng bệnh và kiểm soát dịch bệnh trên cây trồng vật nuôi, người dân chậm khai báo khi có dịch bệnh xảy ra; sản xuất công nghiệp, bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tuy có phục hồi nhưng còn chậm; các nhà máy nhiệt điện không hoạt động hết công suất; một số sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo đạt thấp so với kế hoạch và giảm nhiều so với cùng kỳ; tạo việc làm mới, xuất khẩu lao động đạt thấp; số ca mắc Covid-19 có xu hướng tăng nhanh; một số chế độ, chính sách cho đội ngũ y tế cơ sở thực hiện phòng, chống dịch bệnh Covid-19 chưa kịp thời; công tác tiêm vắc xin phòng Covid-19 còn chậm ở một vài địa phương.

IV. MỘT SỐ CÔNG TÁC TRỌNG TÂM QUÝ II/2022

Căn cứ Nghị quyết của HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2022, trong quý II/2022 cần tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau:

1. Tổ chức chu đáo các hoạt động kỷ niệm 30 năm tái lập tỉnh Trà Vinh (*tháng 5/1992 - tháng 5/2022*) gắn với các hoạt động xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại - du lịch năm 2022. Tập trung thực hiện nhanh, hiệu quả Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết số 11 của Chính phủ; triển khai kế hoạch phân loại đô thị tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030. Chuẩn bị các nội dung phục vụ các kỳ họp HĐND tỉnh (thường lệ và bất thường) năm 2022. Theo dõi, phối hợp chặt chẽ, đôn đốc đơn vị tư vấn đẩy nhanh tiến độ lập Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch Quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế Định An, Quy hoạch chung thành phố Trà Vinh (*mở rộng*), quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch chung đô thị...

2. Tiếp tục thực hiện nghiêm túc các quy định về phòng, chống dịch Covid-19 của Trung ương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh Covid-19. Tăng cường phối hợp, hỗ trợ các địa phương đẩy nhanh tiến độ tiêm vắc xin phòng Covid-19 theo kế hoạch, đảm bảo an toàn, đúng tiến độ. Theo dõi sát tình hình, diễn biến dịch Covid-19, tập trung vào đối tượng trẻ em từ 05 đến 11 tuổi chưa được tiêm vắc xin, nắm chắc tình hình học sinh, giáo viên mắc và điều trị Covid-19 để xử lý kịp thời, không để bị động. Hoàn thành hồ sơ, thủ tục thanh toán, quyết toán các chế độ, chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 và Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg ngày 06/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ đảm bảo kịp thời, đúng quy định.

3. Theo dõi sát tình hình sản xuất nông nghiệp; đẩy nhanh tiến độ thi công nạo vét các công trình thủy lợi nội đồng, thực hiện có hiệu quả các biện pháp phòng, chống xâm nhập mặn, triều cường; rà soát mạng lưới cấp nước sạch nông thôn, không để người dân thiếu nước sinh hoạt trong mùa khô. Tăng cường công tác dự tính, dự báo và phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, nhất là các biện

pháp để khống chế dịch tả heo châu Phi, sâu đầu đen hại dứa; tập trung vận động, tuyên truyền tiêm phòng đàn vật nuôi, chú ý các bệnh nguy hiểm như cúm gia cầm, viêm da nổi cục trên đàn bò. Quan tâm hướng dẫn nông dân chăm sóc tôm nuôi theo quy trình kỹ thuật; tổ chức các hoạt động nhân kỷ niệm 63 năm ngày truyền thống Nghề cá Việt Nam (01/4/1959 - 01/4/2022).

Hoàn thành công tác vệ sinh phòng cháy rừng mùa khô 2022. Tổ chức Lễ công bố Quyết định của Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện Châu Thành đạt chuẩn Nông thôn mới; quan tâm huy động, lồng ghép các nguồn lực đẩy nhanh tiến độ xây dựng và nâng cao chất lượng các tiêu chí của xã; tập trung hỗ trợ huyện Cầu Ngang, Duyên Hải hoàn thành các tiêu chí huyện nông thôn mới. Ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh, Kế hoạch Chương trình OCOP giai đoạn 2022 – 2025; khảo sát, đánh giá tình hình hoạt động của Hợp tác xã.

4. Tăng cường mời gọi đầu tư vào các Khu Công nghiệp, Khu Kinh tế, Cụm Công nghiệp; theo dõi, hỗ trợ các nhà đầu tư hoàn thành các thủ tục sau cấp chứng nhận đầu tư; kiểm tra, đôn đốc các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các dự án. Công bố kết quả khảo sát đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành, huyện, thị xã, thành phố (DDCI) tỉnh Trà Vinh năm 2021. Tổ chức: Xúc tiến đầu tư, Hội chợ triển lãm thương mại sản phẩm Công nghiệp nông thôn - OCOP Trà Vinh năm 2022; hỗ trợ kết nối cung cầu hàng hóa trong và ngoài tỉnh, hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu sản phẩm, ký kết hợp tác kinh doanh, mở rộng thị trường tiêu thụ, nhất là phát triển thương mại điện tử. Tập trung thực hiện Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyên đổi số 2022; Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2022 - 2025.

5. Hoàn tất chuyển nguồn ngân sách năm 2021 sang năm 2022; đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình xây dựng cơ bản. Tiếp tục triển khai các chính sách hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho người dân, doanh nghiệp đang vay vốn bị ảnh hưởng của dịch Covid-19. Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ nhà đầu tư đã được ban hành, nhất là hỗ trợ đường giao thông phục vụ phát triển các khu, cụm công nghiệp.

6. Tập trung tranh thủ thời gian dạy học trực tiếp, kết hợp linh hoạt giữa dạy học trực tiếp và trực tuyến để kịp thời bổ sung, củng cố kiến thức cho học sinh. Lựa chọn sách giáo khoa, biên soạn, thẩm định tài liệu giáo dục địa phương (lớp 3, lớp 7 và lớp 10) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; ban hành Kế hoạch dạy học tiếng dân tộc thiểu số trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh; xây dựng phương án tuyển sinh các lớp đầu cấp năm học 2022 – 2023; tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW ngày 13/7/2007 của Bộ Chính trị “về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập”. Tăng cường quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; triển khai Kế hoạch áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tỉnh Trà Vinh năm 2022.

7. Tích cực tìm kiếm thị trường nhằm đưa lao động di lao động có thời hạn ở nước ngoài; hỗ trợ cho các doanh nghiệp trong tỉnh tuyển dụng lao động. Triển khai Tháng hành động An toàn vệ sinh lao động năm 2022. Tuyển sinh, phân luồng định hướng giáo dục nghề nghiệp; nâng cao hiệu quả công tác đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm. Tiếp tục thực hiện tốt các chế độ, chính sách ưu đãi đối với người có

công; thăm viếng, tặng quà cho đối tượng chính sách nhân ngày 30/4. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, nhất là các giải pháp hỗ trợ cho hộ nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND. Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025; tập trung kiểm tra, rà soát hỗ trợ hộ nghèo khó khăn về nhà ở.

8. Tích cực giám sát dịch tễ; tuyên truyền phòng, chống bệnh tay chân miệng và bệnh sốt xuất huyết, nhất là vào đầu mùa mưa. Tăng cường bảo đảm ATTP, phòng chống ngộ độc thực phẩm và bệnh truyền qua thực phẩm. Giải quyết ngay các chế độ, chính sách cho đội ngũ y tế tuyến cơ sở thực hiện phòng, chống dịch bệnh Covid-19; chuẩn bị vật tư y tế, bộ kiểm tra nhanh để phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trong dịp tết Chol – Chnam – Thmây và Lễ Kỷ niệm 30 năm tái lập tỉnh, 47 năm ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước; thực hiện mua sắm trang thiết bị cho Bệnh viện Sản Nhi đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh.

9. Tổ chức thăm, tặng quà nhân dịp tết cổ truyền Chôl - Chnam -Thmây năm 2022. Kiểm tra, đôn đốc, thực hiện có hiệu quả các chương trình, chính sách dân tộc. Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 trên địa bàn tỉnh. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo. Triển khai thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ, thực hiện chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 – 2030. Tăng cường công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em; triển khai các hoạt động trong Tháng hành động vì trẻ em năm 2022.

10. Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao kỷ niệm 30 năm tái lập tỉnh Trà Vinh, 47 năm Ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Thực hiện tốt công tác xây dựng đời sống văn hóa cơ sở và phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*”. Tổ chức Đại hội Thể dục thể thao tỉnh Trà Vinh lần thứ VII; tổ chức Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân; đăng cai và tham gia thi đấu các giải thể thao cấp Quốc gia năm 2022. Tăng cường quảng bá và xúc tiến du lịch; nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch tại các huyện, thị xã, thành phố; xây dựng phim quảng bá du lịch tỉnh Trà Vinh.

11. Thực hiện tốt công tác quản lý đất đai, nhất là quản lý đất công, hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, khoáng sản. Kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn; việc thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU, Chỉ thị số 48-CT/TU. Tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về tài nguyên và môi trường cho cán bộ, công chức, viên chức 3 cấp (tỉnh, huyện, xã).

12. Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; tăng cường vai trò của Báo, Đài trong việc định hướng thông tin, dư luận xã hội. Kiểm tra, rà soát việc sử dụng đồng bộ các hệ thống thông tin dùng chung trên địa bàn tỉnh. Xây dựng Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 09/NQ-TU ngày 26/01/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Trà Vinh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

13. Đẩy mạnh cải cách hành chính trên địa bàn; phân tích, đánh giá kết quả các Chỉ số PAR Index, PAPI, SIPAS của tỉnh. Tiếp tục sắp xếp các cơ quan chuyên

môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, Nghị định số 108/2020/NĐ-CP của Chính phủ; kiện toàn đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ. Tổ chức các Đoàn thanh tra theo kế hoạch. Tập trung giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo, trong đó chú trọng giải quyết các đơn tòn, không để xảy ra các vụ khiếu kiện kéo dài.

14. Tăng cường trực sẵn sàng chiến đấu nắm chắc tình hình, tuần tra, kiểm soát đảm bảo an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, an toàn giao thông, phòng, chống các loại tội phạm, tệ nạn xã hội./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KH&ĐT;
- Vụ IV - VPCP;
- Bộ Tư lệnh QK9;
- TT.TU; TTHĐND tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành tỉnh (3 hệ);
- HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- LĐ VP.UBND tỉnh;
- Các phòng NC;
- Lưu VT, THNV. 04

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Văn Hân



Phụ lục 1. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU THÁNG 03 VÀ QUÝ I NĂM 2022

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2021	Năm 2022			So sánh (%)	
				Kế hoạch	ƯTH tháng 03	ƯTH Quý I	Kế hoạch	Cùng kỳ
1	Tổng thu ngân sách	Tỷ đồng	2,774.241	10,333.129	1,070.199	2,864.226	27.72	103.24
	<i>Trong đó: Thu nội địa</i>	Tỷ đồng	1,422.675	5,183.000	483.274	1,351.007	26.07	94.96
2	Tổng chi ngân sách	Tỷ đồng	1,128.625	10,122.608	450.540	1,489.940	14.72	132.01
3	Số dự án đầu tư đăng ký mới⁽¹⁾	Dự án	5		3	4		80.00
	- Số dự án trong nước	Dự án	5		3	4		80.00
	- Số vốn đăng ký trong nước	Tỷ đồng	4,499.52		5,761.00	13,617.08		302.63
	- Số dự án FDI	Dự án		5	0			
	- Vốn đăng ký FDI	triệu USD		70	0.00			
4	Phát triển doanh nghiệp⁽²⁾							
	- <i>Thành lập mới</i>							
	+ Số doanh nghiệp	DN	96	500	52	113	22.60	117.71
	+ Số chi nhánh, địa điểm kinh doanh		63		24	49		77.78
	+ Vốn đăng ký	Tỷ đồng	3,920.0		1,109.00	1,626.0		41.48
	- <i>Đăng ký bổ sung</i>							
	+ Số doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc	DN	255		63	282		110.59
	+ Vốn bổ sung	Tỷ đồng	1,789		2,840	2,892		161.65
	- <i>Giải thể</i>	DN	31		5	61		196.77

(1) Đến nay có 385 dự án còn hiệu lực, trong đó có 42 dự án đầu tư nước ngoài, với tổng vốn đăng ký 3,1 tỷ USD và 343 dự án đầu tư trong nước, với tổng vốn đăng ký 135.791,42 tỷ đồng (Trong tháng thu hồi 03 dự án trong nước với tổng vốn 68,04 tỷ đồng)

(2) Đến nay có 3.364 doanh nghiệp, vốn 52.743 tỷ đồng, 97.636 lao động (hiện có 2.899 doanh nghiệp đang hoạt động, vốn 48.219 tỷ đồng, 90.001 lao động) trong đó có 44 doanh nghiệp FDI.

Phụ lục số 2. SẢN XUẤT NÔNG - LÂM NGHIỆP - THỦY SẢN THÁNG 3 VÀ QUÝ I NĂM 2022

T T	Chi tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2021	Năm 2022			So sánh (%)	
				Kế hoạch	ƯTH tháng 3	Cộng dồn từ đầu vụ đến 15/3	Kế hoạch	Cùng kỳ
	GTSX NÔNG, LÂM, THỦY HẢI SẢN (GIÁ SO SÁNH)	Tỷ đồng	6,642.71	28,427		6,768.34	23.81	101.89
	GTSX nông nghiệp	"	5,087	17,177		5,157	30.02	101.38
	<i>Trong đó:</i>	"						
	- Trồng trọt	"	4,077.95	12,294		4,124.59	33.55	101.14
	- Chăn nuôi	"	705.10	3,322		724.75	21.82	102.79
	- Dịch vụ	"	303.84	1,561		308.00	19.73	101.37
	GTSX Lâm nghiệp	"	66.00	250		65.00	26.00	98.48
	GTSX thủy, hải sản	"	1,490	11,000		1,546	14.05	103.77
	<i>Trong đó:</i>	"						
	- Khai thác	"	301.67	1,256		276.94	22.05	91.80
	- Nuôi trồng thủy sản	"	49.74	169		48.00	28.39	96.50
	- Dịch vụ	"	1,138.42	9,575		1,221.07	12.75	107.26
A	NÔNG NGHIỆP							
	Diện tích gieo trồng hàng năm	Ha	81,270	254,330	5,640	84,915	33.39	104.48
	* Cây lương thực có hạt							
	- Diện tích gieo trồng	ha	62,817	205,330	520	66,178	32.23	105.35
	- Diện tích thu hoạch	ha	14,152	205,330	9,359	10,750	5.24	75.96
	- Sản lượng	Tấn	79,979	1,157,251	56,087	63,449	5.48	79.33
1	Lúa cả năm							
	- Diện tích gieo sạ	Ha	61,074	201,430	0	64,430	31.99	105.49
	- Diện tích thu hoạch	Ha	13,201	201,430	8,592	9,794	4.86	74.19
	- Năng suất	Tấn/ha	5.65	5.64	6.06	5.93	105.25	104.94
	- Sản lượng	Tấn	74,641	1,135,606	52,074	58,113	5.12	77.86
a	Lúa mùa							
	- DT gieo sạ	Ha	1,340			1,090		81.31
	- Diện tích thu hoạch	Ha	1,340			1,090		81.31
	- Năng suất	Tấn/ha	4.83			4.98		103.06
	- Sản lượng	Tấn	6,471			5,422		83.79
b	Vụ Đông Xuân							
	- Diện tích xuống giống	Ha	59,734	53,930		63,340	117.45	106.04
	- Diện tích thu hoạch	Ha	11,861	53,930	8,592	8,704	16.14	73.38
	- Năng suất	Tấn/ha	5.75	6.63	6.06	6.05	91.31	105.33
	- Sản lượng	Tấn	68,170	357,556	52,074	52,690	14.74	77.29
2	Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	20,196	52,900	5,640	20,485	38.72	101.43
	- Diện tích thu hoạch	Ha	12,749	52,900	9,874	13,501	25.52	105.90
	- Năng suất bình quân	tấn/ha	21.86	25.55	22.45	22.15	86.67	101.31
	- Sản lượng	Tấn	278,698	1,351,710	221,713	298,995	22.12	107.28
a	Màu lương thực							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	2,286	6,300	890	2,554	40.54	111.70
	- Diện tích thu hoạch	Ha	1,114	6,300	998	1,193	18.94	107.12
	- Năng suất bình quân	tấn/ha	7.30	9.76	7.76	7.90	80.99	108.31
	- Sản lượng	Tấn	8,128	61,470	7,743	9,430	15.34	116.02

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2021	Năm 2022			So sánh (%)	
				Kế hoạch	ƯTH tháng 3	Cộng dồn từ đầu vụ đến 15/3	Kế hoạch	Cùng kỳ
	Trong đó:							
	+ <i>Bắp:</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	1,743	3,900	520	1,748	44.82	100.31
	- Diện tích thu hoạch	Ha	951	3,900	767	956	24.52	100.52
	- Năng suất	Tấn/ha	5.61	5.55	5.23	5.58	100.54	99.47
	- Sản lượng	Tấn	5,338	21,645	4,013	5,337	24.66	99.98
	+ <i>Khoai lang</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	264	1,250	263	470	37.62	177.92
	- Diện tích thu hoạch	Ha	111	1,250	152	158	12.67	142.96
	- Năng suất	Tấn/ha	17.83	16.20	16.41	18.04	111.38	101.18
	- Sản lượng	Tấn	1,975	20,250	2,493	2,857	14.11	144.65
	+ <i>Khoai mì</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	195	700	59	185	26.40	94.89
	- Diện tích thu hoạch	Ha	27	700	25	25	3.60	91.83
	- Năng suất	Tấn/ha	15.74	18.00	15.74	15.71	87.28	99.81
	- Sản lượng	Tấn	431	12,600	396	395	3.14	91.65
	+ <i>Cây có củ khác</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	84	450	48	151	33.48	178.31
	- Diện tích thu hoạch	Ha	24	450	53	53	11.87	219.29
	- Năng suất	Tấn/ha	15.74	15.50	15.74	15.74	101.55	100.00
	- Sản lượng	Tấn	383	6,975	841	841	12.05	219.29
b	Màu thực phẩm							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	11,667	32,400	2,751	12,201	37.66	104.57
	- Diện tích thu hoạch	Ha	8,783	32,400	6,812	9,565	29.52	108.91
	- Năng suất bình quân	tấn/ha	22.69	22.97	22.74	22.69	98.78	100.01
	- Sản lượng	Tấn	199,256	744,270	154,923	217,030	29.16	108.92
	Trong đó:							
	+ <i>Rau màu các loại</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	11,518	31,900	2,731	12,099	37.93	105.04
	- Diện tích thu hoạch	Ha	8,752	31,900	6,801	9,542	29.91	109.03
	- Năng suất	Tấn/ha	22.76	23.30	22.75	22.74	97.60	99.91
	- Sản lượng	Tấn	199,203	743,270	154,721	216,991	29.19	108.93
	+ <i>Đậu các loại</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	149	500	20	102	20.42	68.68
	- Diện tích thu hoạch	Ha	30	500	11	22	4.49	74.15
	- Năng suất	Tấn/ha	1.78	2.00	18.41	1.74	87.00	97.75
	- Sản lượng	Tấn	54	1,000	202	39	3.90	72.48
c	Cây công nghiệp hàng năm							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	6,243	14,200	1,999	5,731	40.36	91.80
	- Diện tích thu hoạch	Ha	2,852	14,200	2,064	2,743	19.32	96.16
	- Năng suất bình quân	tấn/ha	25.00	38.45	28.61	26.45	68.78	105.77
	- Sản lượng	Tấn	71,314	545,970	59,047	72,535	13.29	101.71
	Trong đó:							
	+ <i>Mía cây</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	331	1,100	301	339	30.83	102.54
	- Diện tích thu hoạch	Ha	85	1,100	73	97	8.85	114.47

T T	Chi tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2021	Năm 2022			So sánh (%)	
				Kế hoạch	UTH tháng 3	Cộng dồn từ đầu vụ đến 15/3	Kế hoạch	Cùng kỳ
	- Năng suất	Tấn/ha	95.37	97.00	95.71	95.71	98.67	100.36
	- Sản lượng	Tấn	8,106	106,700	7,002	9,313	8.73	114.88
	+ <i>Đậu phộng</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	3,370	4,600	967	3,353	72.88	99.47
	- Diện tích thu hoạch	Ha	1,432	4,600	1,122	1,329	28.88	92.75
	- Năng suất	Tấn/ha	5.42	5.35	5.43	5.39	100.75	99.43
	- Sản lượng	Tấn	7,765	24,610	6,092	7,161	29.10	92.22
	+ <i>Cây lác</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	771	2,800	351	760	27.15	98.59
	- Diện tích thu hoạch	Ha	570	2,800	160	565	20.19	99.19
	- Năng suất	Tấn/ha	10.92	11.70	10.97	10.97	93.76	100.46
	- Sản lượng	Tấn	6,224	32,760	1,760	6,203	18.93	99.65
	+ <i>Cây khác</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	1,771	5,700	380	1,279	22.44	72.22
	- Diện tích thu hoạch	Ha	765	5,700	709	751	13.18	98.25
	- Năng suất	Tấn/ha	64.35	67.00	62.35	66.35	99.03	103.11
	- Sản lượng	Tấn	49,218	381,900	44,192	49,859	13.06	101.30
d	Cây lâu năm							
	- Cây dừa	Tấn	81,991	309,600		88,546	28.60	107.99
	- Cây ăn trái	Tấn	67,480	263,470		69,899	26.53	103.58
3	Chăn nuôi							
	- Đàn heo	Con	202,110	244,200		213,450	87.41	105.61
	- Đàn bò, trâu	Con	224,560	230,100		229,780	99.86	102.32
	- Đàn gia cầm	ngàn con	7,635	7,800		6,850	87.82	89.72
B	LÂM NGHIỆP							
	- DT rừng trồng tập trung	Ha		35			-	
	- DT rừng trồng được chăm sóc	Ha	22	310			-	-
	- DT giao khoán bảo vệ	Ha	282	3,435			-	-
C	THỦY - HẢI SẢN:							
1	Tổng sản lượng	Tấn	38,552	230,120	20,007	40,582	17.64	105.27
	Trong đó : - Tôm các loại	"	8,136	81,220	5,762	10,353	12.75	127.25
	- Sản lượng Khai thác	Tấn	18,710	75,420	5,897	13,805	18.30	73.78
	+ Khai thác hải sản (mặn, lợ)	Tấn	17,059	68,200	5,405	12,318	18.06	72.21
	Trong đó: - Tôm các loại	"	1,222	5,200	383	1,291	24.83	105.66
	- Cá các loại	"	8,619	37,000	2,790	6,698	18.10	77.71
	- Hải sản khác	"	7,217	26,000	2,232	4,329	16.65	59.99
	+ Khai thác nội đồng (nước ngọt)	Tấn	1,652	7,220	492	1,487	20.59	90.01
	Trong đó: - Tôm các loại	"	261	520	105	208	40.08	79.76
	- Cá các loại	"	458	1,800	275	529	29.41	115.59
	- Thủy sản khác	"	933	4,900	113	749	15.29	80.33
	- Sản lượng Nuôi trồng thủy sản	Tấn	19,842	154,700	14,110	26,777	17.31	134.95
	Trong đó: + Vùng mặn lợ	"	7,285	82,000	5,489	9,063	11.05	124.41
	- Tôm sú	"	1,575	12,300	1,005	1,500	12.19	95.22

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2021	Năm 2022			So sánh (%)	
				Kế hoạch	ƯTH tháng 3	Cộng dồn từ đầu vụ đến 15/3	Kế hoạch	Cùng kỳ
	- Tôm thẻ chân trắng	"	4,612	61,000	4,159	6,864	11.25	148.82
	- Cua biển	"	767	6,900	308	591	8.57	77.09
	- Thủy sản khác	"	331	1,800	18	109	6.06	32.90
	+ <i>Vùng nước ngọt</i>	"	12,557	72,700	8,621	17,713	24.37	141.07
	- Tôm càng xanh	"	465	2,200	111	490	22.26	105.24
	- Cá lóc	"	8,651	49,500	4,747	9,356	18.90	108.15
	- Cá tra, cá ba sa	"	1,149	4,500	2,273	3,815	84.78	332.05
	- Cá các loại	"	2,291	16,500	1,490	4,052	24.56	176.87
2	Diện tích nuôi trồng thủy sản	Ha	22,730	53,700	9,939	24,438	45.51	107.51
	- <i>Diện tích nuôi mặn, lợ</i>	<i>Ha</i>	22,466	49,700	9,685	23,934	48.16	106.53
	Trong đó: - Nuôi tôm sú	"	10,540	20,000	3,891	11,073	55.36	105.05
	- Tôm thẻ chân trắng	"	1,814	9,000	800	2,313	25.70	127.50
	- Nuôi cua biển	"	10,112	19,500	4,892	10,446	53.57	103.30
	- Thủy sản khác	"		1,200	102	102	8.50	
	- <i>Diện tích nuôi nước ngọt</i>	<i>Ha</i>	264	4,000	254	504	12.60	191.17
	<i>* Tình hình thiệt hại tôm sú</i>							
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	9,199		3,301	9,030		98.16
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	397		342	410		103.27
	- Diện tích thả nuôi	Ha	10,540		3,891	11,073		105.05
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	131		175	198		151.86
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	646		236	629		97.40
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	42		12	16		38.19
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	6.49		5.03	2.54		39.20
	<i>* Tình hình thiệt hại tôm thẻ chân trắng</i>							
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	5,806		1,919	5,852		100.79
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	531		301	433		81.54
	- Diện tích thả nuôi	Ha	1,814		800	2,313		127.50
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	140		90	132		94.25
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	1,441		653	1,819		126.23
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	104		55	73		70.44
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	7.23		8.49	4.03		55.80



Phụ lục số 3. SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI THÁNG 3 VÀ QUÝ I NĂM 2022

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2021	Năm 2022			So sánh (%)	
				Kế hoạch	ƯTH tháng 3	ƯTH Quý I	Kế hoạch	Cùng kỳ
A	GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP - TTCN (GIÁ 2010)	Tỷ đồng	9,323.953	37,300.000	2,957.117	7,795.367	20.90	83.61
	<i>Trong đó:</i>							
	- Khai khoáng	Tỷ đồng	4.002	14.000	0.938	2.871	20.50	71.73
	- Công nghiệp chế biến, chế tạo	Tỷ đồng	3,866.306	14,028.000	1,249.562	3,579.323	25.52	92.58
	- Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí.	Tỷ đồng	5,381.367	22,942.000	1,683.396	4,140.349	18.05	76.94
	- Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	Tỷ đồng	72.278	316.000	23.221	72.824	23.05	100.75
	Sản phẩm chủ yếu:							
1	Thủy sản đông lạnh	Tấn	1,883	12,157	415	1,668	13.72	88.62
2	Đường kết	Tấn	2,498	5,950	2,200	10,392	174.66	416.03
3	Than hoạt tính	Tấn	2,221	9,300	653	1,615	17.37	72.71
4	Thuốc viên các loại	Tr.viên	235	1,100	82	243	22.07	103.17
5	Máy mặc (quần áo các loại)	1000chiếc	1,247	10,000	300	504	5.04	40.40
6	Thảm dệt các loại	1000m ²	586	2,300	158	380	16.51	64.79
7	Nước sinh hoạt	1000m ³	8,303	32,000	2,710	8,715	27.23	104.95
8	Gạo xay xát	Tấn	74,440	600,000	25,746	70,351	11.73	94.51
9	Bộ truyền dẫn điện dùng trong ô tô	1000 bộ	3,031	11,800	1,026	3,007	25.48	99.20
10	Sản xuất túi xách các loại	1000cái	715	4,370	201	519	11.89	72.65
11	Sản lượng điện thương phẩm	Tr. Kwh	250	1,115	97	285	25.56	114.19
12	Sản lượng điện sản xuất	Tr. Kwh	4,472	21,050	1,217	3,159	15.01	70.66
B	TỶ LỆ HỘ SỬ DỤNG ĐIỆN TRONG TỈNH	%	99.13	99.50		99.28	99.78	100.15
	Phát triển hộ sử dụng điện	Hộ	462	4,500	213	475	10.56	102.81
C	TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ	Tỷ đồng	10,941.82	36,754.00	2,981.49	8,664.25	23.57	79.18
	Bán lẻ hàng hoá	Tỷ đồng	7,620.02	26,467.00	2,072.81	6,008.77	22.70	78.85
	Dịch vụ lưu trú, ăn uống	Tỷ đồng	1,818.03	5,526.00	466.91	1,366.67	24.73	75.17
	Du lịch lữ hành	Tỷ đồng	7.22	21.00	0.14	0.28	1.32	3.85
	Dịch vụ khác	Tỷ đồng	1,496.55	4,740.00	441.63	1,288.54	27.18	86.10